

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**  
Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 16  
H: 0

60  
C-Hồng Thảo

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1  
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2  
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1  
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2  
Môn Văn đáp

Phạm Văn Mỹ  
Nguyễn Phạm  
Mai Trang

Trần Thị Thanh Thanh

Trương Thị Hồng Thảo  
Trương Thị Hồng Thảo

Môn học: Nghe - Nói 1 (22440101)

- Thi Viết:

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B202

Số SV có mặt: 16

Số bài thi: 16

Số tờ giấy thi: 16

- Thi Văn đáp:

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

Số SV có mặt: 16

Số bài thi: 16

Số tờ giấy thi: 16

| STT | Mã SV      | Họ và Tên          |       | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ<br>Mã đề | Viết (50%) |      | Văn đáp (50%) |      | Điểm Thi<br>(60%) | Điểm QT<br>(40%) | Điểm<br>HP | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|-------|------------|----------|----------------|------------|------|---------------|------|-------------------|------------------|------------|---------|
|     |            |                    |       |            |          |                | Chữ ký SV  | Điểm | Chữ ký SV     | Điểm |                   |                  |            |         |
| 1   | 2124360034 | Ninh Thị Vân       | Anh   | 22/08/2006 | CCQ2436A |                | V. Anh     | 10.0 | V. Anh        | 7.0  | 8.5               | 8.5              | 8.5        |         |
| 2   | 2124360006 | Lương Thị Ngọc     | Điệp  | 03/05/1983 | CCQ2436A |                | Bis        | 10.0 | Bis           | 9.0  | 9.5               | 9.5              | 9.5        |         |
| 3   | 2124360012 | Huỳnh Thị          | Đinh  | 08/12/2006 | CCQ2436A |                | Thư        | 9.3  | Thư           | 7.5  | 8.4               | 9                | 8.6        |         |
| 4   | 2124360036 | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | Giao  | 28/01/2006 | CCQ2436A |                | Lưu Quỳnh  | 7.1  | Lưu Quỳnh     | 7.0  | 7.1               | 8.5              | 7.7        |         |
| 5   | 2124360010 | Nguyễn Nhã Thanh   | Hằng  | 19/07/2006 | CCQ2436A |                | Nhà        | 6.8  | Nhà           | 6.0  | 6.4               | 8                | 7.0        |         |
| 6   | 2124360041 | Bùi Quang Đức      | Hiếu  | 03/01/2005 | CCQ2436A |                | Hiếu       | 5.5  | Hiếu          | 5.5  | 5.5               | 7                | 6.1        |         |
| 7   | 2124360040 | Phạm Thị Mỹ        | Hiếu  | 19/05/2006 | CCQ2436A |                | Mỹ         | 5.5  | Mỹ            | 7.0  | 6.3               | 8.5              | 7.2        |         |
| 8   | 2124360033 | Trần Thị           | Hoa   | 25/09/2006 | CCQ2436A |                | Hoa        | 8.3  | Hoa           | 6.5  | 7.4               | 8.5              | 7.8        |         |
| 9   | 2124360013 | Nguyễn Kim         | Khánh | 29/04/2006 | CCQ2436A |                | Khánh      | 8.8  | Khánh         | 9.0  | 8.9               | 9.5              | 9.1        |         |
| 10  | 2124360002 | Huỳnh Thị Thuý     | Linh  | 19/09/2005 | CCQ2436A |                | Thuý       | 6.0  | Thuý          | 7.0  | 6.5               | 8.5              | 7.3        |         |
| 11  | 2124360028 | Trương Thụy Phương | Linh  | 02/07/2006 | CCQ2436A |                | Phương     | 7.5  | Phương        | 6.5  | 7.0               | 8                | 7.4        |         |
| 12  | 2124360005 | Vũ Thùy            | Linh  | 20/01/2004 | CCQ2436A |                | Thùy       | 9.3  | Thùy          | 7.5  | 8.4               | 8.5              | 8.4        |         |
| 13  | 2124360025 | Phan Thị Xuân      | Mai   | 30/09/2006 | CCQ2436A |                | Xuân       | 9.3  | Xuân          | 8.5  | 8.9               | 9                | 8.9        |         |
| 14  | 2124360027 | Nguyễn Duy         | Mạnh  | 24/06/2006 | CCQ2436A |                | Duy        | 9.3  | Duy           | 6.0  | 7.7               | 8.5              | 8.0        |         |
| 15  | 2124360020 | Đặng Huỳnh Ngọc    | Ngân  | 27/10/2006 | CCQ2436A |                |            |      |               |      |                   | 0                |            |         |
| 16  | 2124360008 | Trần Thảo          | Ngân  | 22/06/2004 | CCQ2436A |                |            |      |               |      |                   | 0                |            |         |
| 17  | 2124360023 | Trương Bảo         | Ngân  | 19/04/2006 | CCQ2436A |                | Bảo        | 7.8  | Bảo           | 7.0  | 7.4               | 8.5              | 7.8        |         |
| 18  | 2124360018 | Tô Mẫn             | Nghi  | 25/08/2004 | CCQ2436A |                | Mẫn        | 8.5  | Mẫn           | 7.5  | 8.0               | 8.5              | 8.2        |         |

15/07/2025

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1  
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2  
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1  
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2  
Môn Văn đáp

C. Hồng Thảo

Môn học: Nghe - Nói 1 (22440101)

- Thi Viết:

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 14

Số bài thi: 14

Số tờ giấy thi: 14

- Thi Văn đáp:

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

Số SV có mặt: 14

Số bài thi: 14

Số tờ giấy thi: 14

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         |        | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ<br>Mã đề | Viết (50%) |      | Văn đáp (50%) |      | Điểm Thi<br>(60%) | Điểm QT<br>(40%) | Điểm<br>HP | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|----------|----------------|------------|------|---------------|------|-------------------|------------------|------------|---------|
|     |            |                   |        |            |          |                | Chữ ký SV  | Điểm | Chữ ký SV     | Điểm |                   |                  |            |         |
| 1   | 2124360015 | Võ Trần Bảo       | Nghi   | 12/03/2006 | CCQ2436A |                | Cyk        | 10,0 | Cyk           | 9,0  | 9,5               | 9,5              | 9,5        |         |
| 2   | 2124360022 | Trần Hồng         | Ngọc   | 07/09/2006 | CCQ2436A |                | Ng         | 10,0 | Ng            | 9,0  | 9,5               | 9                | 9,3        |         |
| 3   | 2124360024 | Nguyễn Hoàng Thảo | Nguyễn | 11/04/2006 | CCQ2436A |                | Nguyễn     | 9,8  | Nguyễn        | 8,5  | 9,2               | 9                | 9,1        |         |
| 4   | 2124360007 | Hoàng Thị Tâm     | Như    | 10/03/2006 | CCQ2436A |                |            |      |               |      |                   | 0                |            |         |
| 5   | 2124360029 | Bùi Thị Ngọc      | Phương | 24/06/2006 | CCQ2436A |                | Ph         | 9,3  | Ph            | 8,5  | 8,9               | 9,5              | 9,1        |         |
| 6   | 2124360019 | Vũ Thị Mai        | Phương | 05/09/2006 | CCQ2436A |                | Ph         | 9,0  | Ph            | 8,5  | 8,8               | 9                | 8,9        |         |
| 7   | 2124360004 | Nguyễn Minh       | Thư    | 09/09/2005 | CCQ2436A |                | Th         | 9,8  | Th            | 8,5  | 9,2               | 9                | 9,1        |         |
| 8   | 2124360043 | Nguyễn Ngọc Anh   | Thư    | 16/03/2005 | CCQ2436A |                | Th         | 9,0  | Th            | 8,5  | 8,8               | 9                | 8,9        |         |
| 9   | 2124360021 | Dương Ngọc Thủy   | Thương | 06/04/2006 | CCQ2436A |                | Th         | 9,5  | Th            | 9,0  | 9,3               | 9,5              | 9,4        |         |
| 10  | 2124360016 | Nguyễn Ngọc       | Trâm   | 09/08/2006 | CCQ2436A |                | Tr         | 8,5  | Tr            | 8,5  | 8,5               | 9,5              | 8,9        |         |
| 11  | 2124360003 | Lưu Mỹ            | Trinh  | 10/06/2006 | CCQ2436A |                |            |      |               |      |                   | 0                |            |         |
| 12  | 2124360032 | Trần Nguyễn Huyền | Trinh  | 28/06/2006 | CCQ2436A |                | Tr         | 7,3  | Tr            | 7,5  | 7,4               | 9                | 8,0        |         |
| 13  | 2124360035 | Hồ Thị            | Vy     | 22/04/2006 | CCQ2436A |                | HT         | 7,5  | HT            | 7,0  | 7,3               | 8,5              | 7,8        |         |
| 14  | 2124360014 | Mai Ngọc Yến      | Vy     | 15/07/2006 | CCQ2436A |                | MY         | 9,8  | MY            | 8,5  | 9,2               | 8,5              | 8,9        |         |
| 15  | 2124360017 | Nguyễn Ngọc Yến   | Vy     | 10/05/2006 | CCQ2436A |                | NY         | 9,3  | NY            | 7,0  | 8,2               | 8                | 8,1        |         |
| 16  | 2124360011 | Đào Ngọc Như      | Ý      | 29/08/2006 | CCQ2436A |                | DN         | 9,6  | DN            | 9,0  | 9,3               | 9,5              | 9,4        |         |
| 17  | 2124360038 | Đoàn Phạm Như     | Ý      | 23/10/2006 | CCQ2436A |                |            |      |               |      |                   | 0                |            |         |